

Bản án số: 73/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 4 - 2023

*V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Hồ Văn Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 62a/2023/TB-TA ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị N (Nhẫn); Sinh năm 1944 (chết ngày 24/01/2023)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N:

1. Ông Lý Ngọc Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2. Bà Lý Thị Hương L, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số H, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

3. Bà Lý Thị Lệ K Lệ K1), sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

4. Ông Lý Hải B, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà số A, đường số D, khu dân cư E, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

5. Bà Lý Mộng N1, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

6. Ông Lý Bình T Lý Minh T1), sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

7. Ông Lý Ngọc G, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà số A, đường số D, khu dân cư E, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

**Người đại diện theo ủy quyền của Lý Thị Lan H, Lý Thị Lệ K2, Lý Hải B, Lý Mộng N1 và Lý Ngọc G: Ông Nguyễn Văn Ú. Địa chỉ: Số B, ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)*

**Người đại diện theo ủy quyền của Lý Minh T1: Ông Bạch Sỹ B1. Địa chỉ: Số A, Nguyễn Thị Minh K3, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)*

- Bị đơn:

1. Lý Ngọc Đ; Địa chỉ: Số H, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đang: Bà Võ Thị Tú T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số H, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022)*

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đang: Luật sư Bạch Sỹ C – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S.*

2. Bà Lý Thị Hương L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số H, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Bà Võ Thị Tú T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số H, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T2: Luật sư Bạch Sỹ C – Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S.*

2. Bà Lý Thị Lệ K Lệ K1), sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3. Ông Lý Hải B, sinh năm 1968; Địa chỉ: Nhà số A, đường số D, khu dân cư E, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

4. Lý Mộng N1, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

5. Ông Lý Bình T Lý Minh T1), sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Bạch Sỹ B1, sinh năm 1994. Địa chỉ: số A, Nguyễn Thị Minh K3, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2022)

6. Ông Lý Ngọc G, sin năm 1981; Địa chỉ: Nhà số A, đường số D, khu dân cư E, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

7. Bà Châu Thị T3 (vợ ông Lý Hồng T4). Địa chỉ: Nhà số B, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Bà Lý Thị Hồng O (con ông Lý Hồng T4). Địa chỉ: Nhà số B, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T5: Ông Lý Bình T Lý Minh T1). Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Hồng Thanh B2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà A, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Lý P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Vũ K4, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 của nguyên đơn bà Lý Thị N (Nhả) có nội dung như sau: Nguồn gốc đất tại thửa số 603, diện tích 20.600m², thửa 595, diện tích đất 5.200m², thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, phần đất này bà đã sử dụng từ trước năm 1990 và được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/5/1995.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do bà không có lập gia đình (không chồng, không con) nên bà có cho anh bà là ông Lý Thừa D mượn hai thửa đất tại thửa đất số 603, diện tích 20.600m², thửa 595, diện tích đất 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện M (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng để canh tác và ngược lại anh của bà là ông D trả tiền lại cho bà sinh hoạt phí và nuôi dưỡng bà, việc cho mượn đất giữa bà và ông D không lập giấy tờ.

Đến năm 1995 thì anh của bà giao lại thửa đất 595, diện tích đất 5.200m² cho con là bà Lý Thị Hương L canh tác. Còn thửa đất 603, diện tích 20.600m², vẫn do ông D canh tác đến năm 2020, thì anh bà là ông Lý Thừa D qua đời thì thửa đất 603, diện tích 20.600m² do ông Lý Ngọc Đ quản lý và ông Đ giữ luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của bà, còn thửa 595, diện tích 5.200m² vẫn do bà Lý Thị Hương L quản lý, bà đã nhiều lần yêu cầu bà L và ông Đ phải trả lại cho bà mà ông Đ đang cất giữ nhưng ông Đ và bà L không đồng ý trả, cho dù bà đã làm yêu cầu hòa giải tại ấp B và xã T nhưng ông Đ và bà L vẫn không trả đất cho bà.

Nay Lý Thị N (Nhả) yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà phần diện tích đất khoảng 20.600m² (theo diện tích đo đạc thực tế 21.451,7m²)

thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ, bà T2 cất giữ

2. Buộc bà Lý Thị Hương L phải trả cho bà phần đất tại thửa 595, diện tích 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lý Ngọc Đ trình bày: Nguồn gốc đất tại thửa 603, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng mà bà N đòi có nguồn gốc là bà N được cấp 9.000 m², đến năm 1992 thì ông Lý Thừa D là cha của ông (cũng là anh ruột bà N) có chuyển nhượng một số người ở địa phương 11.800 m² cho nên bà N được đứng tên toàn bộ diện tích đất tại thửa 603 vì lúc đó cha của ông đã đứng tên 30.000m² đất chỗ khác do theo quy định cha ông không được đứng tên thửa đất khác nữa. Sau này có do bà N2 chỉ được đứng tên 09 công đất, cha của ông sang nhượng đất thêm được 16.800m² thì cho bà N2 đứng tên, sau này bà N2 có đi khởi kiện năm 2012, nhưng khi hòa giải ngày 17/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T thì cha của ông trả đất cho bà N2 9 công tại ấp B và cho thêm 03 công tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng tổng cộng là chín công tầm lớn (là công 1300m²), với điều kiện bà N2 giao lại đất tại thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho của ông Lý Thừa D và ông Lý Ngọc Đ quản lý sử dụng và cam đoan sẽ không khiếu nại về sau.

Bị đơn ông Lý Thị Hương L trình bày: Nguồn gốc đất thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng mà bà đang tranh chấp là của bà N2 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, khi được cấp bà N2 giao thửa đất nêu trên cho cha của bà là Lý Thừa D tranh chấp để cho cha bà chăm sóc, lo lắng cho bà N2 vì bà N2 không có chồng con nhưng cha của bà giao cho bà tranh chấp, đến năm 2020 thì cha của bà chết nên bà N2 đòi lại phần đất nêu trên thì bà cũng đồng ý nhưng bà sẽ thương lượng với bà N2 để được tiếp tục tranh chấp vì bà N hiện nay cũng đã lớn tuổi sống không có chồng con.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2 trình bày: Bà là vợ của Lý Ngọc Đ và hiện đang tranh chấp phần đất đang tranh chấp tại thửa 603, diện tích 20.600m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn vì nguồn gốc đất nêu trên bà N2 chỉ có 9.000m², đến năm 1992 thì cha chồng của bà là Lý Thừa D (anh ruột bà N2) có chuyển nhượng thêm của những người ở địa phương (bà không biết tên) và cho bà N2 đứng tên toàn bộ tại thửa 603 nêu trên. Đến năm 2012 thì bà N2 có đi kiện thì tại buổi hòa giải cơ sở ngày 17/4/2012 thì cha bà có trả lại đất cho bà N2 9 công đất tại ấp B và cho thêm 03 công tại ấp B với điều kiện bà N2 không đi thưa kiện nữa và bà N2 cũng đã đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Lệ K2 trình bày: Bà N2 là cô ruột của bà sống không có chồng con, bà được biết thu nhập của bà N2 hàng ngày là từ ruộng trên 25 công ở ấp B do cha của bà là Lý Thừa D tranh chấp dùm và hàng năm sau khi thu hoạch xong thì ba của bà đưa tiền cho bà N2 để sinh hoạt

hàng ngày, đến năm 2020 thì cha của bà chết bà N2 muốn lấy lại đất nhưng không được.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Hải B trình bày: Theo ông được biết thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của bà N2 và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, phần đất này cha của cha của ông Lý Thừa D canh tác dùm bà N2 và đưa lợi nhuận cho bà N2, còn năm 2012 thì bà N2 và cha của ông Lý Thừa D có tranh chấp là tranh chấp liên quan đến tài sản của ông Lý Phi H1 (cha ông D, bà N2) không liên quan đến phần đất bà N2 đang đòi, còn việc ông Đ cho rằng đã đổi cho bà N2 13 công đất với điều kiện bà N2 giao lại thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là không đúng vì theo ông biết phần đất 13 công các bên thỏa thuận giao lại là giao cho bà Lý Mộng N1 chứ không có giao cho bà N2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Mộng N1 trình bày: Bà sống cùng hộ với bà N2, vào năm 2012 ông Lý Minh T1 có yêu cầu bà N2 lấy phần đất của bà N2 tại các thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để ông T1 canh tác nhưng bà N2 không đồng ý vì phần đất trên cha của bà là Lý Thừa D canh tác và đưa lợi nhuận cho bà N2, bản thân bà sống với bà N2 bà biết bà N2 không hề bán phần đất nêu trên cho ai. Năm 2018 bà có mua đất của ông T1 với diện tích 13 công, còn phần đất mà bà N2 đang đòi không liên quan đến phần đất 13 công mà ông cho rằng đã đổi với bà N2 vào năm 2012.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh T1 cho rằng: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đòi lại đất tại các thửa 603, diện tích 20.600m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Vì phát đất tại thửa 603, diện tích 20.600m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng phần của bà N chỉ 12.000 m², diện tích còn lại là của cha ông Lý Thừa D cho bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ diện tích 20.600m² nhưng phần đất này bà N đã bán cho vợ chồng ông là Lý Minh T1 và Nguyễn Thị T5 vào năm 2018.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5 trình bày: Bà là vợ của ông Lý Minh T1, bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Lý Minh T1.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc G trình bày: Theo ông biết bà N2 lúc còn trẻ sống ở ấp M để chăm sóc ông nội cùng bà Lý Mộng N1 cho nên bà N2 giao phần đất được cấp cho cha của ông là Lý Thừa D canh tác và cha của ông trả lại phần lợi nhuận cho bà N2, ông khẳng định phần đất tại thửa thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của bà N2 và bà N2 chưa từng bán cho ai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị T3 và bà Lý Thị Hồng O: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T3 và bà O nhưng bà T3 và bà O không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị N và không tham gia tố tụng.

* Người làm chứng Hồng Thanh B2 trình bày: Vào năm 2012 ông công tác tại Ủy ban nhân dân xã T có tổ chức hòa giải việc tranh chấp đất của gia đình ông Lý Thừa D và ông còn nhớ tại buổi hòa giải ngày 17/4/2012 bà N2 đồng ý cho cha con ông Lý Thừa D 30.000m² và giao luôn quyền sử dụng đất và bà N2 nhận 12.000m² đất ở ấp B và hai bên thỏa thuận không khiếu nại sau này, ông B2 cho biết thêm việc trao đổi đất là có thật, còn thửa đất cụ thể thì ông không nắm rõ.

* Người làm chứng Lý Pích trình bày: Vào ngày 17/4/2012 ông có tham gia hòa giải vụ tranh chấp Lý Thị N và Lý Ngọc Đ, Lý Thừa D, Lý Mộng N1 (ông là cán bộ địa chính). Tại buổi hòa giải ngày 17/4/2012 theo biên bản thể hiện không có thỏa thuận việc đổi đất tại thửa đất đang tranh chấp mà bà N đang đòi ông Đ.

* Người làm chứng Nguyễn Vũ K4 trình bày: Vào ngày 17/4/2012 ông có tham gia hòa giải vụ tranh chấp Lý Thị N và Lý Ngọc Đ, Lý Thừa D, Lý Mộng N1 (ông là cán bộ tư pháp). Tại buổi hòa giải ngày 17/4/2012 theo biên bản thể hiện không có thỏa thuận việc đổi đất tại thửa đất đang tranh chấp mà bà N đang đòi ông Đ.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST, ngày 07/10/2022 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH11, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị N (Nhả) về việc yêu cầu bị đơn Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 trả lại diện tích đất và quyền sử dụng đất

Buộc ông Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 trả cho hộ bà Lý Thị N3 diện tích đất 21.451,1 m² (theo diện tích đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 603, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Bưng C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất có tứ cận cụ thể như sau (Có sơ đồ kèm theo):

- Hướng đông giáp các thửa 1039, 605, 606 có số đo: 3.11 mét + 10.25 mét + 38.21 mét + 8.75 mét + 32.62 mét + 3.25 mét + 20.13 mét.

- Hướng tây giáp đất các thửa 1209, 1857, tờ bản đồ 06 có các số đo: 52,26 mét + 24,46 mét + 7,92 mét + 20,56 mét + 2,40 mét + 2,81 mét.

- Hướng Nam giáp thửa 935, thửa 957 có các số đo: 84,93 mét + 22,54 mét + 15,41 mét + 13,22 mét + 10,19 mét.

- Hướng bắc giáp thửa 600 có các số đo: 59,84 mét + 10 mét + 31,46 mét + 31,46 mét + 61,91 mét + 6,21 mét + 10,34 mét.

2. Buộc ông Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 trả cho hộ bà Lý Thị N3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 603, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Bưng C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ bà Lý Thị N3 ngày 03 tháng 5 năm 1995).

2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Lý Thị Hương L trả lại phần đất tại thửa 595, diện tích 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 14 tháng 10 năm 2022 bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Tú T2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị N, công nhận diện tích đất ruộng 25.800 m² thuộc thửa 603 và thửa 595 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lý Ngọc Đ trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị N.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Tú T2 đối với kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà T2 về yêu cầu công nhận diện tích đất ruộng 25.800 m² thuộc thửa 603 và thửa 595 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Lý Ngọc Đ bà Võ Thị Tú T2 là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Lý Thị Hương L phải trả cho bà phần đất tại thửa 595, diện tích 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện vì bà L thừa nhận phần đất nguyên đơn đòi là của bà N3. Xét thấy, việc nguyên đơn xin rút lại yêu cầu trên, việc rút lại yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bà Lý Thị Hương L phải trả cho bà phần đất tại thửa 595, diện tích 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2, đối với kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà phần diện tích đất khoảng 20.600m² (theo diện tích đo đạc thực tế 21.451,7 m²) thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ cất giữ. Nguyên đơn cho rằng phần đất trên là của nguyên đơn và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03 tháng 5 năm 1995 nhưng do bà sống không có chồng con nên bà giao phần đất trên cho anh của bà là Lý Thừa D canh tác và đưa lợi nhuận cho bà hàng năm, đến năm 2020 thì ông D chết, phần đất nêu trên con ông D là Lý Ngọc Đ canh tác nhưng phía bị đơn Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Ông Đ, bà T2 cho rằng phần đất đang tranh chấp đã được các bên thỏa thuận giải quyết vào ngày 17/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T theo đó bà N3 đã đồng ý trả cho ông Lý Thừa D diện tích đất khoảng 20.600m² thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà N3 đứng tên và bà N3 đồng ý đổi lấy 13 công đất tại ấp B. Xét thấy, tại biên bản Thỏa thuận chấm dứt khiếu nại theo biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 17/4/2012 có các người tham gia là bà Lý Thị N, Lý Ngọc Đ, Lý Thừa D và Lý Mộng N1 các bên đã thỏa thuận chấm dứt khiếu nại đối với phần đất 30.000 m² của ông Lý Phi H1 chết để lại, ngoài ra, còn thể hiện bà N có 9.000 m², ông Lý Thừa D đồng ý cho thêm 3.000 m² thì bà N đã đồng ý chấm dứt khiếu nại đối với phần đất 25.800 m², biên bản có ông Hồng Thanh B2 xác nhận.

[3.3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023 ông Hồng Thanh B2 trình bày: Ông có tham gia buổi làm việc ngày 17/4/2012 với vai trò là **người chủ trì**, ông B2 khẳng định: Biên bản là đúng sự thỏa thuận của các đương sự và các đương sự đề đồng ý ký tên. Cụ thể bà N và bà N1 khiếu nại phần đất của ông Lý Phi H1 khoảng 30.000 m², nhưng phần đất trên ông H1 đã chuyển nhượng cho ông Lý Ngọc Đ nên bà N và bà N4 rút lại yêu cầu này, bà N tiếp tục khiếu nại phần đất khoảng 25.000 m² do bà N đứng tên thì ông D cho rằng bà N chỉ có 9.000 m² phần còn lại do ông D nhờ bà N đứng tên dùm tổng cộng là 25.800 m², ông D yêu cầu bà N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D nhưng thực tế giấy chứng nhận của bà N ông D đã giữ rồi. Ông D cho thêm bà N 3.000 m², tổng cộng bà N có 12.000 m². Sau đó các bên thỏa thuận không khiếu nại về sau. Ngoài ra, ông B2 còn xác định nếu bà N có phần đất nào tương ứng với diện tích đất này tại xã T, huyện T thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm và chấp nhận biên bản ngày 17/4/2012 là không đúng.

[3.4] Bà N ngoài việc đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì không có chứng cứ gì thể hiện là nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà N, trong khi từ khi được cấp giấy đến nay bà N cũng không giữ giấy và việc đăng ký đề cấp giấy bà N không trực tiếp đăng ký, không có ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn đăng ký, bởi vì do ông D đăng ký thay cho bà N.

[3.5] Về quá trình sử dụng đất thì phần đất đang tranh chấp gia đình ông D đã sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay, còn bà N thì chưa có sử dụng ngày nào trên phần đất này. Do đó, việc kiện đòi lại đất của nguyên đơn là không có căn cứ.

[4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là căn cứ vào Công văn số 161/PTNMT, ngày 18/7/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời: Phần đất tại thửa 603, diện tích 20.600m² và thửa 595, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Lý Thị N3 là đúng theo trình, thủ tục và cho rằng trong biên bản ngày 17/4/2012 không thể hiện bà N3 sẽ nhận phần đất nào, vị trí đất nằm ở đâu và bà N3 sẽ trả đất cho ông D phần đất nào, vị trí đất ở đâu... là chưa đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ do các đương sự cung cấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2 sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Đối với kháng cáo yêu cầu yêu cầu công nhận diện tích đất ruộng 25.800 m² thuộc thửa 603 và thửa 595 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho bị đơn và người liên quan Võ Thị Tú T2. Xét thấy, trong quá trình xét xử sơ thẩm bị đơn Đang không có phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên chi phí thẩm định, định giá cũng được sửa lại cho phù hợp, cụ thể chi phí thẩm định, định giá là 13.409.769 nguyên đơn phải chịu.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2 không phải chịu.

[9] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST, ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH11, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị N (Nhản) về việc yêu cầu bị đơn Lý Ngọc Đ và bà Võ Thị Tú T2 trả lại diện tích đất và quyền sử dụng đất có diện tích đất 21.451,1 m² (theo diện tích đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 603, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Bung C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất có tứ cận cụ thể như sau (Có sơ đồ kèm theo):

- Hướng đông giáp các thửa 1039, 605, 606 có số đo: 3.11 mét + 10.25 mét + 38.21 mét + 8.75 mét + 32.62 mét + 3.25 mét + 20.13 mét.

- Hướng tây giáp đất các thửa 1209, 1857, tờ bản đồ 06 có các số đo: 52,26 mét + 24,46 mét + 7,92 mét + 20,56 mét + 2.40 mét + 2.81 mét.

- Hướng Nam giáp thửa 935, thửa 957 có các số đo: 84.93 mét + 22.54 mét + 15.41 mét + 13.22 mét + 10.19 mét.

- Hướng bắc giáp thửa 600 có các số đo: 59.84 mét + 10 mét + 31.46 mét + 31.46 mét + 61.91 mét + 6.21 mét + 10.34 mét.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 603, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp Bung C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ bà Lý Thị N3 ngày 03 tháng 5 năm 1995. Để cấp lại cho phù hợp với bản án này khi có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết đòi của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Lý Thị Hương L trả lại phần đất tại thửa 595, diện tích 5.200m², tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà N phải chịu 13.409.769 đồng bà N đã nộp đủ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu.

6. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Lý Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tú T2 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Đ và bà T2 600.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0004137 và số 0004136 cùng ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7 a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

